

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM NÔNG
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04 /2020/HNGĐ-ST
Ngày 16 tháng 4 năm 2020
V/v Hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM NÔNG - TỈNH PHÚ THỌ

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Bà Đinh Thị Thu Huyền

Các hội thẩm nhân dân : 1, Ông Nguyễn Chí Thanh

2, Ông Trần Hữu Thọ

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thúy Minh - cán bộ Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ.

Đại diện Viện kiểm sát huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Ông Bùi Xuân Việt - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 4 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 197/2019/ TLST - HNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2019 về việc: “Hôn nhân và gia đình” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 197/2020/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2020 và Thông báo mở phiên tòa số 197/2020/TB - TA ngày 02/3/2020 và Thông báo mở phiên tòa số 197/2020/TB - TA ngày 01/4/2020 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** chị Nguyễn Thị Bích H, sinh năm 2000.

Địa chỉ: khu 3, thị trấn T, huyện T, tỉnh Phú Thọ (có mặt)

- **Bị đơn:** anh Hà Việt Q, sinh năm 1996

Địa chỉ: khu 11, xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1, Trong đơn khởi kiện ngày 26/12/2019 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích H trình bày:

Chị kết hôn với anh Hà Việt Q ngày 12/11/2019 có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Trước khi kết hôn được tự nguyện tìm hiểu, sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, lối sống khác nhau nên chỉ chung sống được vài ngày thì mâu thuẫn, chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ chị ở khu 3, thị trấn T, huyện T, tỉnh Phú Thọ, vợ chồng ly thân từ đó đến nay không ai quan tâm đến ai. Nay chị H xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị xin được ly hôn anh Q.

Về con chung: Chị H xác nhận vợ chồng không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, tài sản riêng: Chị H xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, tài sản riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ, cho vay, đất nông nghiệp: Chị H xác nhận vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công sức: chị H xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2, Phía bị đơn anh Hà Việt Q: Tòa án nhân dân huyện T đã gửi giấy báo làm việc nhiều lần nhưng anh Q đều vắng mặt.

3, Tại biên bản lấy lời khai ngày 21/01/2020 ông Hà Chí D và bà Lê Thị A (là bố mẹ đẻ anh Q) trình bày: Anh Q chị H có đăng ký kết hôn ngày 12/11/2019, đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn anh chị ở cùng gia đình nhà ông được khoảng một tuần thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng anh chị mâu thuẫn với nhau, vợ chồng cãi vã nhau nên chị H đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ chị ở khu 3, thị trấn T, huyện T, tỉnh Phú Thọ từ đó anh chị sống ly thân không ai quan tâm đến ai. Nay chị H làm đơn ly hôn anh Q, Tòa án đã gửi các giấy báo cho anh Q đến Tòa án làm việc gia đình đã nhận được đầy đủ và thông báo cho anh Q, anh Q bận công việc làm ăn nên không đến Tòa án làm việc được. Anh Q, chị H không có con chung, không có tài sản chung, không nợ ai và không cho ai vay. Quan điểm của ông D, bà A đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

4, Qua xác minh tại ủy ban nhân dân xã H ngày 21/01/2020 thấy rằng anh Q có hộ khẩu thường trú tại khu 11, xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Anh chị có đăng ký kết hôn ngày 12/11/2019 tại UBND xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn anh chị chung sống với nhau được vài ngày thì phát sinh mâu thuẫn nên chị H đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở thị trấn T, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Nay chị H xin ly hôn anh Q, Tòa án có gửi các giấy báo cho anh Q, địa phương đều đã nhận được và giao đầy đủ cho anh Q, Quan điểm của địa phương đề nghị Tòa án giải quyết cho chị H được ly hôn anh Q.

Tại phiên tòa kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án đều thực hiện đúng theo quy định pháp luật không có vi phạm gì và phát biểu ý kiến về quan điểm giải quyết vụ án. Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 điều 51, khoản 1 điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 điều 147, khoản 1, điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí 2015; Điểm a, khoản 5 điều 27 nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 về thu, nộp và sử dụng án phí, lệ phí tòa án. Xử cho chị Nguyễn Thị Bích H được ly hôn anh Hà Việt Q. Về con chung, tài sản chung, công sức, nợ, cho vay không có nên không đặt ra yêu cầu giải quyết. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Bích H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án do đương sự cung cấp và được thẩm tra công khai tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã gửi thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần nhưng anh Q đều vắng mặt. Căn cứ khoản 1, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Tam Nông tiến hành xét xử vắng mặt anh Q.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Cuộc hôn nhân giữa chị H và anh Q là hoàn toàn hợp pháp, được UBND xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ cho đăng ký kết hôn ngày 12/11/2019. Xét tình cảm vợ chồng giữa chị H và anh Q được tự nguyện tìm hiểu nhưng thực sự tình cảm vợ chồng giữa anh chị đã có vết rạn nứt, chị H cho rằng sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, lối sống khác nhau nên chỉ chung sống được vài ngày thì mâu thuẫn, chị đã bỏ về nhà bố mẹ để chị ở khu 3, thị trấn T, huyện T, tỉnh Phú Thọ, vợ chồng ly thân từ đó đến nay không ai quan tâm đến ai. Nay chị H xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị xin được ly hôn anh Q. Tòa án đã báo gọi nhiều lần, anh Q có biết việc Tòa án đang giải quyết việc ly hôn giữa chị H và anh nhưng anh không đến Tòa án làm việc để thể hiện quan điểm của mình. Tại biên bản lấy lời khai ngày 21/01/2020 ông Hà Chí D và bà Lê Thị A (là bố mẹ đẻ anh Q) trình bày: Anh Q chị H có đăng ký kết hôn ngày 12/11/2019, đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn anh chị ở cùng gia đình nhà ông được khoảng một tuần thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng anh chị mâu thuẫn với nhau, vợ chồng cãi vã nhau nên chị H đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ chị ở khu 3, thị trấn T, huyện T, tỉnh Phú Thọ từ đó anh chị sống ly thân không ai quan tâm đến ai. Nay chị H làm đơn ly hôn anh Q quan điểm của ông D, bà A đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Ngày 21/01/2020 Tòa án nhân dân huyện Tam Nông đã tiến hành xác minh về quan hệ hôn nhân của chị H và anh Q được đại diện chính quyền địa phương cung cấp sau khi kết hôn anh chị chung sống với nhau được vài ngày thì phát sinh mâu thuẫn nên chị H đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở thị trấn T, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Nay chị H xin ly hôn anh Q quan điểm của địa phương đề nghị Tòa án giải quyết cho chị H được ly hôn anh Q vì thực tế anh chị không còn chung sống cùng nhau nữa. Vì vậy cần xử cho chị H được ly hôn anh Q là phù hợp với điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung, tài sản chung, tài sản riêng, về nợ, cho vay, đất nông nghiệp, công sức: Chị H xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí ly hôn sơ thẩm: chị H phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 điều 51, khoản 1 điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 điều 147, khoản 1 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí 2015; Điểm a, khoản 5 điều 27 nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14, ngày 30/12/2016 về thu, nộp và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

1, Xử: cho chị Nguyễn Thị Bích H được ly hôn anh Hà Việt Q.

2, Về án phí ly hôn sơ thẩm : Chị Nguyễn Thị Bích H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Xác nhận chị H đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2019/0002537 ngày 31/12/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ.

Báo cho đương sự (có mặt) tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn (vắng mặt) có quyền kháng cáo trong hạn

15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc được niêm yết bản án để đề nghị Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo trình tự phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện
- Chi cục THADS huyện
- Các đương sự
- UBND xã Hiền Quan.
- Lưu HS - VP

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Đinh Thị Thu Huyền